TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2017/HSST

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Hoan

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1- Ông Nguyễn Văn Nghĩa;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

- *Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Ngô Thanh Thuần - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- *Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên toà*: Bà Giáp Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017 tại Hội tr- ờng Nhà văn hóa K 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 83/2017/HSST ngày 06/11/2017 đối với:

- *Bị cáo*: **Trần Tiến T** - sinh năm 1990 (Tên gọi khác: không có)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: X 6 (Nay chuyển sang X 8), K5, thị trấn T huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; *Văn hoá*: 11/12;

- *Quốc tịch*: Việt Nam; *Dân tộc*: Kinh; *Tôn giáo*: Không.

- Con ông Trần Ngọc B và bà Vũ Thị T;

+ Vợ ; Con: Chưa có;

- *Tiền án*: Không có;

- *Tiền sự*: Ngày 08/9/2016 bị Trưởng Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang Quyết định xử phạt hành chính số 94/QĐ số tiền 350.000đồng đối với Trần Tiến T về hành vi "Đánh bạc" (Mua số lô, số đề). Ngày 13/10/2017 T đã nộp xong tiền phạt và lãi chậm nộp là 413.000đồng;

+ Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2017 cho đến ngày 03/8/2017 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa);

+ *Người bị hại*:

1- **Anh Nguyễn Văn P** - sinh năm 1990 (Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn Tr, xã T T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

2- **Anh Đỗ Quang K** - sinh năm 1996(Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn T L, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

3- **Anh Hà Văn H** - sinh năm 1998 (Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1- **Anh Đàm Văn H** - sinh năm 1974 (Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn D Đ, xã T T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

2- **Anh Nguyễn Viết S** - sinh năm 1987(Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn B, xã H A, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

3- **Anh Hoàng Triệu T** - sinh năm 1983(Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Xóm T T, thôn N T, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

4 - **Anh Nguyễn Văn V** - sinh năm 1999(Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn T L xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

5 - **Anh Lê Mạnh H** - sinh năm 1996(Vắng mặt);

- Nơi cư trú: Thôn T Đ, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

6 - **Anh Nguyễn Văn T** - sinh năm 1991(Vắng mặt);

(Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang trong vụ án khác)

- Nơi ĐKHHTT và chỗ ở: Thôn C, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

7 – **Bà Vũ Thị Th** (Và là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B)- sinh năm 1959(Có mặt);

- Nơi cư trú: X 8, K5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Tiến T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Trần Tiến T - sinh năm 1990; Ở X 6, K 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô để đi cầm cố, cắm xe lấy tiền, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất:

Buổi sáng ngày 23/5/2017, anh Nguyễn Văn P mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream mang biển kiểm soát 98D1-107.96 của anh Đàm Văn H - sinh năm 1974, trú tại: Thôn D Đ, xã T T, huyện H (đăng ký xe mang tên anh H - là bác của anh P, anh P rủ Trần Tiến T là bạn đi uống nước. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T rủ anh P cùng vào quán Internet "Dương" ở gần cổng Lữ đoàn 675, thuộc địa phận xã H, H A để chơi game. Anh P dựng xe mô tô tại nhà để xe của quán Internet và cầm chìa khóa xe. Sau đó cả hai cùng vào chơi game đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì T phải trả số tiền khoảng 100.000đ (gồm cả tiền nước uống, tiền sử dụng mạng Internet (5.000đ/1giờ). Do không đủ tiền trả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của P để đi cầm cố lấy tiền để trả tiền chơi game và chi tiêu cá nhân. T nói dối anh P " Cho Anh mượn xe của mày để Anh đi vay tiền về trả tiền chơi Internet", anh P đồng ý và giao chìa khóa xe cho T, anh P vẫn tiếp tục chơi game. Sau khi có chìa khóa xe, T đi xe của anh P đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Nguyễn Viết S - sinh năm 1987, ở thôn B, H A, H (anh S không đăng ký kinh doanh cầm đồ), mục đích để cầm cố chiếc xe mô tô lấy tiền. Khi đến cửa hàng thì T gặp anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1994 (Là người làm thuê cho anh S), T nói với anh H muốn cầm cố chiếc xe mô tô lấy 2.000.000đ (hai triệu đồng), anh H gọi điện thoại cho anh S để xin ý kiến, thì anh S đồng ý. Anh H lấy giấy cho vay tiền và cho T viết số tiền vay 2.000.000 đồng bằng số, nhưng không ghi số tiền bằng chữ và ngày tháng năm cũng như thời hạn vay, T nhận tiền và để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-107.96 (không có giấy tờ xe) để đảm bảo cho việc vay tiền. Sau khi có tiền, T không quay lại quán Internet trả tiền mà sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến ngày 01/6/2017, do không có tiền nên T lại đến cửa hàng của anh S vay thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nữa, anh S đồng ý và đưa giấy vay tiền mà T viết khi cầm cố xe mô tô ngày 23/5/2017 và điền thêm thông tin, ghi ngày tháng năm vay là ngày 01/6/2017, sửa số tiền vay trong giấy cho vay tiền từ số "2" thành số "3" và ghi bằng chữ số tiền vay là ba triệu đồng, lãi xuất thỏa thuận. Tổng số tiền T vay của anh S là 3.000.000 đồng, Thịnh đã chi tiêu cá nhân hết và chưa trả lại anh S.

Sau khi giao chìa khóa xe mô tô cho T, anh Nguyễn Văn P ở lại quán internet đợi nhưng không thấy T quay lại trả xe nên đã về nhà. Mấy ngày sau, anh P gặp T và đòi lại xe, thì T nói đã mang đi cầm cố ở nhà anh Nguyễn Viết S chưa chuộc xe về trả. Đến ngày 21/6/2017 anh P viết đơn trình báo Cơ quan điều tra tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của T và yêu cầu điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2017 anh Nguyễn Viết S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-107.96 cùng với 03 tờ "Giấy cho vay tiền". Anh S không yêu cầu T phải trả lại số tiền đã vay là 03 triệu đồng và cho Thịnh số tiền này (BL 193).

+ Vụ thứ hai:

Chiều tối ngày 23/6/2017, Trần Tiến T đi chơi game và gặp bạn là Lê Mạnh H - sinh năm 1996; Trú tại: Thôn T Đ, xã H L, huyện H tại quán Internet của gia đình anh L (vợ là N) - ở thôn T L, xã H L, huyện H. T chơi game đến khoảng 10 giờ ngày 24/6/2017 thì anh Đỗ Quang K đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu sơn Trắng mang biển kiểm soát 98D1-423.68 (đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T- sinh năm 1994 ở thôn T, xã N, huyện T, hiện nay đã bán lại cho anh K) đến quán của anh Luân chơi game. Do không có tiền nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của K để đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện ý đồ đó T đã nói với anh K "Mày cho Anh mượn xe để H đưa Anh về nhà". Do anh K có quen biết với T và là người nhà của H, nên anh K đồng ý và giao chìa khóa xe cho H. H thấy T nhờ nên điều khiển xe mô tô đèo T đi được một đoạn, thì T đổi lái để H ngồi sau. T lái xe chở H đi lòng vòng quanh các xã N, xã H A và đến quán nước ở gần cổng Lữ đoàn 675 thuộc xã H A, huyện H, thì T nói cho H biết muốn mang chiếc xe của anh Kđi cầm cố để lấy tiền, H không đồng ý và nói phải hỏi ý kiến của anh K, thì T dùng điện thoại của mình giả vờ điện thoại hỏi anh K sau đó H nói dối là K đồng ý rồi. T lái xe chở H đến quán cầm đồ 83 gặp anh Hoàng Triệu T - sinh năm 1983 có địa chỉ tại: Xóm T Th, thôn N T, xã N, huyện H (anh T có giấy đăng ký kinh doanh cầm đồ). T nói cầm cố chiếc xe 98D1- 423.68 với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thì anh T đồng ý đưa tiền cho T, hai bên không viết giấy tờ. Sau khi lấy được tiền. T rủ H đến quán Internet ở gần quán của anh T chơi game. T mua thẻ để nạp vào tài khoản chơi game hết 1.600.000 đồng, mua 01 thẻ game mệnh giá 800.000đ cho H. Chơi game đến chiều tối thì có anh Q là bạn của H đến, T bảo anh Q đưa T và H đi thuê nhà nghỉ ngủ. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết.

Chiều tối ngày 25/6/2017, T điện thoại nói với anh T cho chuộc lại xe và bảo H đến quán lấy xe mô tô của anh K, sau đó T bảo H đến lấy xe, H mang xe mô tô này đến nhà anh Nguyễn Văn V - sinh năm 1999; Trú tại: Thôn T L, xã H L, huyện H để cầm cố chiếc xe và vay số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Do anh V yêu cầu phải viết giấy, nên H đã viết giấy bán xe ghi ngày 25/6/2017. Số tiền 4.500.000đ H dùng để trả tiền cho anh T và chuộc xe cho Q (là bạn H) hết 1.200.000 đồng. T không được sử dụng số tiền này.

Ngày 17/7/2017 Anh K có đơn trình báo Cơ quan điều tra yêu cầu xử lý đối với T. Ngày 04/7/2017, anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-423.68; 01 giấy bán xe mô tô do H viết ghi ngày 25/6/2017. Số tiền 4.500.000đ cầm cố xe, anh V không yêu cầu gì đối với H về số tiền này.

+ ***Vụ thứ ba:***

Trần Tiến T và anh Hà Văn H - sinh năm 1998; Trú tại: thôn C, xã Đ B, huyện H có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Khoảng 23 giờ một ngày đầu tháng 03/2017, anh H điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98B1-474.56 (Đăng ký xe mô tô mang tên ông Hà Văn H là bố anh H, đã cho anh H làm phương tiện đi lại). Do thiếu tiền trả tiền phòng nhà nghỉ, nên anh H đã điện thoại cho T hỏi vay số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Lúc này T đang ngồi ăn đêm tại quán phở Cồ cùng bạn là anh Nguyễn Đình D - sinh năm 1994; Trú tại: Thôn B , xã H A,

huyện H tại khu vực gần Tòa án nhân dân huyện H. Thấy anh H hỏi vay tiền thì T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H để mang đi cầm lấy tiền, khi anh H cùng một người bạn đi xe mô tô đến gặp T để vay tiền, thì T đã vay anh D 300.000đ để cho anh H mượn và yêu cầu anh H phải để lại xe mô tô. Sau đó T nhờ anh D đi xe mô tô của anh H, chở anh H và bạn anh H đến nhà nghỉ rồi quay lại quán ốc đưa xe cho T. Đến ngày 02/3/2017 Nguyễn Văn T - sinh năm 1991, trú tại: Thôn C, xã L P, huyện H là bạn T, hỏi vay 5 triệu đồng, nhưng T nói không có tiền và bảo với T mang xe mô tô của H đi cầm để có tiền T cho vay, T đồng ý và cùng T mang xe của anh H đến quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Viết S cầm cố và vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Khi lấy được tiền, T cho T vay 1.200.000 đồng, còn lại T chi tiêu hết. Một vài ngày sau, anh Hà Văn H gặp lại T trả số tiền 300.000 đồng và yêu cầu lấy lại xe, nhưng T nói đã cầm cố xe không có tiền chuộc trả. Ngày 27/6/2017 anh H có đơn trình báo Cơ quan điều tra đề nghị xử lý đối với T;

Ngày 04/7/2017 Trần Tiến T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình, T bị tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng mầu đen. Ngày 20/7/2017 bà Vũ Thị T - sinh năm 1959 (là mẹ T) tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho T để khắc phục hậu quả. Bà T không yêu cầu T phải trả lại số tiền này.

Khoảng tháng 05/2017, Nguyễn Văn T có nhu cầu mua xe mô tô, nên T đã đến gặp anh Nguyễn Viết S hỏi mua xe cũ và được anh S bán lại cho T chính chiếc xe mô tô mà ngày 02/3/2017 T và T đã mang đến quán của anh S cầm cố với giá 5.000.000 đồng. Ngày 03/7/2017 anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô này. Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ được ma túy, tiền, điện thoại do Nguyễn Văn T giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã khởi tố Nguyễn Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và chuyển bị can cùng vật chứng này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 05/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có Công văn số 1527/CV-PC45 đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành định giá đối với 03 chiếc xe mô tô mà Trần Tiến T lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P, anh Đỗ Quang K, anh Hà Viết H Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H có quyết định trưng cầu định giá tài sản. Ngày 07/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

"Xe mô tô biển kiểm soát 98D1-107.96 trị giá 15.500.000 đồng (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng); Xe mô tô biển kiểm soát 98D1-423.68 trị giá 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); Xe mô tô biển kiểm soát 98B1-474.56 trị giá 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 05/7/2017, Cơ quan điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định số 174/QĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ ký của Trần Tiến T trên 03 tờ "Giấy cho vay tiền" mà anh Nguyễn Viết S giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 1046/PC54 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: "Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Tiến T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết,

chữ ký của Trần Tiến T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết, ký ra".

Ngày 28/7/2017 và ngày 09/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang và Công an huyện H ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô 98D1-107.96 cho anh Nguyễn Văn P, trả xe BKS: 98D1- 423.68 cho anh Đỗ Quang K, trả xe mô tô BKS 98B1-474.56 cho anh Hà Văn H. Các anh P, K, H đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nhưng đề nghị xử lý nghiêm đối với Trần Tiến T theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Mạnh H là người cùng Trần Tiến T đi cầm cắm xe mô tô của anh Đỗ Quang K tại quán cầm đồ của anh Hoàng Triệu T. Do T nói dối H về việc K đồng ý cho cầm cố chiếc xe, H không bàn bạc hoặc không biết động cơ, mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, vì vậy không có căn cứ để xử lý hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H.

Ngoài ra, Trần Tiến T khai vay số tiền 300.000đ của anh D nhưng anh D không thừa nhận việc cho T vay tiền và cũng không biết động cơ, mục đích của T vay tiền cho anh H mượn, để giữ lại xe nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng anh D không có mặt tại địa phương, nên không tiến hành đối chất được.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Tiến T đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 81/KSĐT ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Trần Tiến T ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện H, để xét xử về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện VKSND huyện H đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Tiến T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

□p dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 (Đầu thú) Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Tiến T từ 18tháng tù đến 24 tháng tù. Trừ cho bị cáo T số ngày đã tạm giữ, tạm giam**.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự buộc bị cáo phải trả lại anh Hà Văn H số tiền 1.000.000đồng;

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 41 BLHS, Khoản 2 Điều 76 BLTTHS để truy thu: Buộc bi cáo T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 7.000.000đồng.

Trả lại bị cáo Trần Tiến T 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhưng tại giữa đẻ đảm bảo thi hành án.

Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bị cáo đang chung sống cùng bố mẹ và thuộc hộ gia đình cận nghèo, nên căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí Hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Người bị hại là các Anh P, anh H, anh K; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh, anh S, , anh Hoàng Triệu T, anhV, anh Lê Mạnh H, anh Nguyễn Văn T; Người làm chứng là các anh Nguyễn Đình D, anh Nguyễn Văn H đã đ- ợc Tòa án triệu tập đều vắng mặt, nh- ng tr- ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 19; Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên toà.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Tiến T đã khai nhận:

Vụ thứ nhất: Bị cáo Trần Tiến T có quen biết anh Nguyễn Văn P ở thôn T L, xã T T. Buổi sáng ngày 23/5/2017, Bị cáo T điện thoại rủ anh P đi uống nước, anh P đã đi xe mô tô Hoda Drem BKS 98D1- 107.96 (Anh P mượn xe của anh Đàm Văn H - là bác họ) lên và đi uống nước cùng với bị cáo T, đến gần 12 giờ cùng ngày thì bị cáo và anh P vào quán Intenet của anh D gần khu vực Lữ đoàn 675 thuộc xã H A chơi Game, cả hai chơi đến khoảng 15 giờ, do không có tiền trả tiền game, nên bị cáo T đã nảy sinh ý định mượn xe của anh P để đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Bị cáo nói dối và hỏi mượn xe của anh P để đi vay tiền tra tiền chơi Nét. Anh P đã đồng ý và đưa thìa khóa xe mô tô cho bị cáo T, sau khi mượn được xe, bị cáo đã đi chiếc xe BKS 98D1.107.96 đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Viết S vay 2.000.000đồng và cầm cố chiếc xe mô tô ở đó. Ngày 01/6/2017, bị cáo T quay lại quán sửa xe của anh S vay thêm 1.000.000đồng và viết hoàn thiện giấy vay tiền, tổng số là 3.000.000đồng và cầm cố xe mô tô BKS 98D1 – 107.96.

Vụ thứ hai: Ngày 23 tháng 6 năm 2017, bị cáo cùng anh Lê Mạnh H ở thôn T Đ, xã H L, huyện H là chỗ quen biết, đến quán Intenet của vợ chồng anh L - ở thôn T L, xã H L, huyện H chơi Nét cho đến khoảng 10 giờ ngày 24/6/2017. Anh Đỗ Quang K ở thôn T L, xã H L đi xe mô tô Honda Wave an pha BKS 98D1.423.68 cũng đến quán chơi, do quen biết với anh K từ trước, bị cáo biết anh K và anh H có họ hàng, nên bị cáo có hỏi mượn chiếc xe mô tô 98D1.423.68 của anh K để H đưa bị cáo về, bị cáo T có mục đích mượn xe của anh K để đi cầm cố. Anh K đã đồng ý và đưa thìa khóa xe mô tô BKS 98D1.423.68 cho anh H, để anh H đưa T về, trên đường về thị trấn T, bị cáo đã điều khiển xe mô tô mượn của anh K, khi đến quán nước gần Lữ đoàn 675, thuộc xã H A. Bị cáo đã nói với anh H về ý định cầm cố chiếc xe mượn của anh K, anh H không đồng ý, sau đó bị cáo đã nói dối anh H là anh K đồng ý cho bị cáo cầm cố chiếc xe này, sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 98D1.423.68 cùng anh H đi đến quán cầm đồ của anh Hoàng Triệu T ở gần cổng UBND xã N và cầm cố chiếc xe để vay 3.000.000đồng, hai bên không viết giấy tờ gì, sau khi có tiền bị cáo đã đưa cho anh H 1.600.000đồng để

mua thẻ điện thoại nạp vào tài khoản để chơi Intenet, số tiền còn lại bị cáo sử dụng cho cá nhân. Bị cáo T và anh H chơi đến buổi chiều cùng ngày, thì có anh Nguyễn Văn Q ở thôn A, xã H A là bạn của anh H, đến quán Intenets để đưa bị cáo và anh H về. Cả ba về nhà nghỉ ngủ đến chiều ngày 25/6/2017. Bị cáo đã mượn xe của anh Q để cầm cố vay được 1.000.000đồng (Anh Q đồng ý cho đi cầm cố). Do đã chi tiêu hết tiền không có tiền chuộc xe trả lại anh Q, bị cáo đã nhờ anh H quay lại cửa hàng của anh T để chuộc xe của anh K đã cầm cố trước đó và đem đến chỗ khác cầm cố giá cao hơn. Buổi chiều ngày 25/6/2017 anh Q và anh H thông báo lại cho bị cáo là đã cầm cố chiếc xe mô tô của anh K BKS 98D1.423.68 cho anh Nguyễn Văn V - ở thôn T L, xã H L được 4.500.000đồng, do anh V yêu cầu viết giấy bán xe, nên anh H có viết giấy bán xe cho anh V với giá 4.500.000đồng. Anh H đã sử dụng số tiền 4.500.000đồng để trả lãi, trả tiền chuộc xe cầm cố trước đó tại cửa hàng của anh T và tiền chuộc lại xe của anh Q mà T đã cầm cố.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 02/3/2017, bị cáo và anh Nguyễn Đình D ở thôn B, xã H A là bạn, đang ăn phở tại quán phở "Cồ" ở gần khu vực Tòa án nhân dân huyện H, thì anh Hà Văn H - ở thôn C, xã Đ B có quan hệ quen biết với bị cáo,điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Suriut BKS 98B1.474.56 (Xe đứng tên chủ sở hữ là ông Hà Văn H – bố anh H), anh H điện thoại cho bị cáo và hỏi mượn 300.000đồng để trả tiền nhà nghỉ còn thiếu. Thấy anh H hỏi vậy, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H để đem đi cầm cố lấy tiền. Bị cáo đã vay anh D số tiền 300.000đồng và cho anh H vay, bị cáo đã yêu cầu anh H để lại xem mô tô để bị cáo quản lý. Ngay tối ngày 02/3/2017 anh H đã trả lại bị cáo số tiền 300.000đồng đã vay và đòi lại xe mô tô, bị cáo đã nói dối là anh D là bạn đã đi xe về nhà, nên hẹn trả anh H trả lại xe sau.

Sau đó bị cáo T đã nhờ anh D đi cùng bị cáo lên huyện P B, tỉnh Thái Nguyên để bị cáo trả xe mô tô mà bị cáo mượn của một người bạn ở đó. Sau khi trả xe, bị cáo và anh D đi xe mô tô của anh H về thị trấn T, anh D đi xe của anh H về nhà. 03 ngày sau có anh Nguyễn Văn T - ở thôn C, xã L P là bạn bị cáo đến hỏi vay tiền. Bị cáo đã nói với anh T là đi cắm xe mô tô để lấy tiền cho anh T vay. Bị cáo nhờ anh T đi cùng lên nhà anh Nguyễn Viết S - ở thôn B A, xã H An cầm cố chiếc xe này được 4.000.000đồng, Bị cáo đã cho anh T vay 1.200.000đồng. Số tiền còn lại bị cáo chi tiêu hết.

Tháng 05/2017 do có nhu cầu mua xe đi lại, anh T đã đến gặp anh S hỏi mua xe cũ và được anh S bán lại chiếc xe mô tô mà bị cáo T và anh T cầm cố trước đó với giá 5.000.000đồng, chiếc xe này sau đó anh T đã nộp lại cho Cơ quan Điều tra và đã trả lại cho anh H.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận:

"Xe mô tô biển kiểm soát 98D1-107.96 trị giá 15.500.000 đồng (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng); Xe mô tô biển kiểm soát 98D1-423.68 trị giá 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); Xe mô tô biển kiểm soát 98B1-474.56 trị giá 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Tiến T đã thừa nhận bản cáo trạng số 81/KSĐT ngày 06/11/2017 truy tố bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và vật chứng (03 chiếc xe mô tô BKS 98D1.423.96; BKS 98B1.474.56; BKS 98 D1.107.96), mà cơ quan điều tra đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Tiến T đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Tiến T ra tr- ớc Toà án hôm nay là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo rất liều lĩnh và liên tục trong một thời gian, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Thời gian gần đây trên địa bàn huyện H đã xảy ra nhiều trường hợp lợi dụng sự quen biết, để nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, bằng các thủ đoạn gian dối để có tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân, bản thân người thực hiện tội phạm lười lao động. Trong vụ án này bị cáo T có tuổi đời còn trẻ, nhưng lười lao động và ham chơi bời, chỉ muốn hưởng thụ cho bản thân. Do vậy cần phải cần phải có bản án xét xử nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo đối với xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ, cải tạo tốt sau này trở thành một công dân có ích cho xã hội, đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt trong trại giam là phù hợp với quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú khai nhận hành vi mình đã thực hiện. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p,h Khoản 1, Khoản 2 (Đầu thú) Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về việc gia đình bị cáo nộp số tiền 10.000.000đồng thay cho bị cáo, để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng tài sản mà bị cáo phạm tội đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã vay, số tiền bị cáo vay và cầm cố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, vì vậy số tiền mà bà Vũ Thị T và ông Trần Ngọc B đã nộp thay cho bị cáo không sử dụng để khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiện quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần, vì vậy bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện H về hình phạt đối với bị cáo Trần Tiến T tại phiên tòa là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường cũng như trả lại số tiền mà bị cáo đã vay. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Lê Mạnh H là người cầm cố chiếc xe mô tô BKS 98D1 – 423.68 của anh K, do trước đó bị cáo T đã lừa đảo chiếm đoạt được của anh K, anh H không biết đó là tài sản do bị cáo T phạm tội, khi bị cáo T nhờ ra cửa hàng anh Hoàng Triệu T chuộc lại xe để đi cầm cố nơi khác vay tiền được nhiều hơn. Do vậy anh H không có hành vi đồng phạm cùng bị cáo T trong vụ án này.

Xác nhận bà Vũ Thị T và ông Trần Ngọc B đã nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T số tiền 10.000.000đồng tại Cơ quan điều tra và đã bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng) mà bị cáo T nhận của anh Hà Văn H để chuộc lại xe mô tô 98B1 .474.56, do bị cáo vẫn quản lý là quan hệ dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Hà Văn H số tiền này trong cùng vụ án.

Về vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Trần Tiến T 01chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng có số IMEI 1: 355340070370375; IMEI 2: 355340070370383, là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội của bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Do bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo, nên được miễn theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ng- ời bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, Khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Tuyên bố bị cáo Trần Tiến T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- □p dụng Khoản 1 Điều 139, điểm p, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Tiến T 01(Một) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Trừ cho bị cáo T 31 ngày bị tạm giữ, tạm giam (Từ 04/7/2017 đến 03/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2 - Về vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Trả lại bị cáo Trần Tiến T 01chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng có số IMEI 1: 355340070370375; IMEI 2: 355340070370383 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo Trần Tiến T phải nộp lại số tiền số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng) để trả lại anh Hà Văn H;

- Trả lại bả Vũ Thị T và ông Trần Ngọc B số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

4 - Về án phí : □p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng(Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) cho bị cáo Trần Tiến T.

4 - Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, khoản 1 Điều 234 Bộ luật hình sự:

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A H;
- Công an huyện H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan